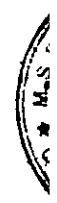


**Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển
Công nghệ Điện tử Viễn thông**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2016



Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 8
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	11 - 12
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	13 - 56

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Chủ tịch
Ông Trần Hùng Giang	Thành viên
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Thành viên
Ông Ngô Ngọc Hà	Thành viên
Ông Nguyễn Đức Thiện	Thành viên
Bà Lê Thị Lệ Hằng	Thành viên
Ông Nguyễn Khắc Hải	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Duy Hưng	Trưởng Ban
Bà Hoàng Thị Phương Thúy	Thành viên
Bà Vũ Thị Ngân Hà	Thành viên

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Trần Hùng Giang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Mạnh Hải	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Phan Chiến Thắng, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng giai đoạn tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty và các công ty con có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty và các công ty con sẽ tiếp tục hoạt động.

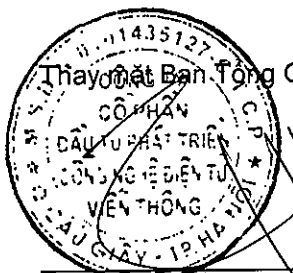
Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và các công ty con và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016



Building a better
working world

Ernst & Young Vietnam Limited
8th Floor, CornerStone Building
16 Phan Chu Trinh Street
Hoan Kiem District
Hanoi, S.R. of Vietnam

Tel : + 84 4 3831 5100
Fax: + 84 4 3831 5090
ey.com

Số tham chiếu: 61141397/18254823-HN/LR

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Công ty và các công ty con") được lập ngày 29 tháng 8 năm 2016 và được trình bày từ trang 6 đến trang 56, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2015, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn

Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2013-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.060.198.897.942	723.760.536.538
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	39.919.334.881	70.756.440.806
111	1. Tiền		18.166.334.881	26.981.440.806
112	2. Các khoản tương đương tiền		21.753.000.000	43.775.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		3.451.543.907	7.201.543.907
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	4.414.215.740	4.414.215.740
122	2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	5.1	(2.962.671.833)	(2.962.671.833)
123	3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	2.000.000.000	5.750.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		487.859.642.457	476.735.061.218
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	384.603.126.516	404.907.020.042
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	38.499.897.459	35.727.380.860
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	22.375.000.000	6.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	49.064.686.134	33.957.192.647
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1,8	(6.683.067.652)	(3.856.532.331)
140	IV. Hàng tồn kho	9	512.538.702.355	165.495.812.019
141	1. Hàng tồn kho		515.613.818.822	167.235.568.126
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(3.075.116.467)	(1.739.756.107)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		16.429.674.342	3.571.678.588
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	504.824.306	630.769.939
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	17	15.918.894.881	2.940.908.649
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	5.955.155	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		374.965.300.132	416.794.801.765
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		80.299.218.962	95.182.713.962
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	6.1	79.358.688.962	94.241.688.962
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	940.530.000	941.025.000
220	II. Tài sản cố định		139.434.790.402	156.318.883.644
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	135.840.279.838	150.750.333.490
222	Nguyên giá		219.951.696.825	218.738.562.166
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(84.111.416.987)	(67.988.228.676)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	3.594.510.564	5.568.550.154
228	Nguyên giá		22.623.770.879	22.623.770.879
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(19.029.260.315)	(17.055.220.725)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		18.929.066.214	19.098.886.815
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	18.929.066.214	19.098.886.815
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	121.597.334.121	127.325.208.977
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	13.1	125.691.049.500	130.687.549.379
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(4.093.715.379)	(3.362.340.402)
260	V. Tài sản dài hạn khác		14.704.890.433	18.869.108.367
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	10.223.576.662	13.017.776.324
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31.3	1.245.423.771	1.536.812.043
269	3. Lợi thế thương mại	15	3.235.890.000	4.314.520.000
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.435.164.198.074	1.140.555.338.303

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B01a-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		706.598.109.762	417.683.166.475
310	I. Nợ ngắn hạn		593.431.968.195	295.331.195.859
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16.1	303.357.405.289	141.070.622.856
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16.2	36.790.845.036	7.415.154.086
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	5.094.204.551	16.151.121.272
314	4. Phải trả người lao động		8.088.660.657	17.271.074.364
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		2.556.738.369	1.421.608.611
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		370.323.200	284.419.200
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	18	13.728.285.172	19.188.213.379
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	211.633.318.271	86.801.726.421
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	20	2.226.388.946	2.906.473.766
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	21	9.585.798.704	2.820.781.904
330	II. Nợ dài hạn		113.166.141.567	122.351.970.616
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	99.336.953.560	114.012.260.006
341	2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	31.3	1.500.000.000	-
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	20	12.329.188.007	8.339.710.610
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		728.566.088.312	722.872.171.828
410	I. Vốn chủ sở hữu		728.566.088.312	722.872.171.828
411	1. Vốn cổ phần	22.1	423.719.980.000	415.719.980.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		423.719.980.000	415.719.980.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	22.1	88.697.010.000	88.712.010.000
415	3. Cổ phiếu quỹ	22.1	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	22.1	35.775.255.576	33.775.255.576
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	22.1	5.200.000.000	5.200.000.000
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.1	157.934.477.105	161.900.498.675
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối kỳ trước		127.527.199.875	88.712.527.976
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		30.407.277.229	73.187.970.699
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	24	18.520.865.632	18.845.927.577
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.435.164.198.074	1.140.555.338.303

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B02a-DN/HN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	359.711.375.919	258.747.226.828
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	25.1	359.711.375.919	258.747.226.828
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	26	(261.355.857.472)	(193.123.188.361)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		98.355.518.447	65.624.038.467
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	25.2	5.377.339.665	3.386.138.520
22	7. Chi phí tài chính	27	(9.305.514.382)	(11.118.686.852)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(4.572.734.451)	(2.337.194.239)
24	8. Phần lỗ từ công ty liên kết		-	(103.990.321)
25	9. Chi phí bán hàng	28	(10.079.716.109)	(11.567.125.981)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	28	(48.133.500.942)	(36.590.032.588)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.214.126.679	9.630.341.245
31	12. Thu nhập khác	29	1.996.108.104	7.970.321.635
32	13. Chi phí khác	29	(1.096.170.695)	(8.749.164.499)
40	14. Lợi nhuận/(lỗ) khác	29	899.937.409	(778.842.864)
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		37.114.064.088	8.851.498.381
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	31.2	(5.240.460.532)	(1.197.883.089)
52	17. (Chi phí)/thu nhập thuế hoãn lại	31.3	(1.791.388.272)	181.074.316
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		30.082.215.284	7.834.689.608
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		30.407.277.229	8.552.105.571
62	20. Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	24	(325.061.945)	(717.415.963)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	33	662	170
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	33	662	170

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Tiền thu từ bán hàng và cung cấp dịch vụ		448.759.677.526	370.996.787.374
02	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(454.684.200.765)	(271.510.638.773)
03	Tiền chi trả cho người lao động		(43.329.970.141)	(40.349.031.846)
04	Tiền chi trả lãi		(4.619.557.318)	(2.337.420.961)
05	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	31.2	(10.633.283.993)	(7.482.516.006)
06	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.506.884.113	73.753.264.080
07	Tiền chi khác cho hoạt động sản xuất kinh doanh		(56.793.308.531)	(58.435.911.678)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động kinh doanh		(113.793.759.109)	64.634.532.190
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(2.463.736.954)	(9.461.514.392)
22	Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		141.868.342	92.727.273
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác		(23.930.000.000)	(6.750.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		11.158.700.000	11.748.000.000
25	Tiền chi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		-	(9.315.000.000)
26	Tiền thu hồi góp vốn đầu tư vào các công ty khác		3.999.969.144	3.293.511.032
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.781.141.554	10.499.400.219
30	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào)/ từ hoạt động đầu tư		(9.312.057.914)	107.124.132
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		7.985.000.000	-
32	Tiền chi mua lại cổ phiếu đã phát hành		-	(330.000.000)
33	Tiền thu từ đi vay		206.065.938.808	114.726.064.023
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(99.886.733.114)	(106.610.640.513)
36	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(21.931.365.750)	(43.990.838.535)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ/(sử dụng vào) hoạt động tài chính		92.232.839.944	(36.205.415.025)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông B03a-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(30.872.977.079)	28.536.241.297
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		70.756.440.806	54.385.152.551
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		35.871.154	7.335.080
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	39.919.334.881	82.928.728.928

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh Nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0101435127 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu vào ngày 18 tháng 7 năm 2003 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 19 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 9 tháng 8 năm 2016.

Hoạt động chính trong kỳ hiện tại của Công ty là:

- ▶ Sản xuất phần mềm máy tính, chuyển giao công nghệ thông tin, lắp đặt các hệ thống, dây chuyền công nghệ cao;
- ▶ Tư vấn các hệ thống thông tin, hệ thống tự động hóa và các hệ thống điện tử viễn thông;
- ▶ Dịch vụ thông tin giải trí với phát thanh, truyền hình, báo chí;
- ▶ Dịch vụ cho thuê văn phòng, cho thuê nhà phục vụ các mục đích kinh doanh, cho thuê tài sản; và
- ▶ Các hoạt động khác theo Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại tòa nhà Elcom, Phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội.

Công ty có các Chi nhánh và Văn phòng đại diện sau:

- ▶ Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh tại 162/12 Đường Bình Lợi, Phường 13, Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh;
- ▶ Văn phòng đại diện Tây Hồ tại biệt thự số 41, khu biệt thự Tây Hồ - số 10, Phố Đặng Thai Mai, Quận Tây Hồ, Hà Nội; và
- ▶ Văn phòng đại diện Đà Nẵng tại tầng 5, tòa nhà Lighthouse, 1254 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty và chi nhánh tại ngày 30 tháng 6 năm 2016 là: 327 (ngày 31 tháng 12 năm 2015: 292).

Cơ cấu tổ chức

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty có 5 công ty con. Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con này như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động chính trong kỳ
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	99,45%	99,45%	Thôn Ngọc Phúc, Xã Ngọc Liệp, Huyện Quốc Oai, Hà Nội.	Buôn bán kim loại, sản xuất kim loại màu và kim loại quý.
2	Công ty TNHH Giải pháp Phần mềm Elcom	100%	100%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất phần mềm máy tính, lắp đặt hệ thống dây chuyền công nghệ cao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

<i>STT</i>	<i>Tên công ty</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ biểu quyết</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Hoạt động chính trong kỳ</i>
3	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn (i)	52,39%	52,44%	91 đường Trần Hưng Đạo, tổ 11A, Phường Đức Xuân, Thị xã Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn.	Thăm dò, khai thác quặng, chế biến và mua bán các loại khoáng sản.
4	Công ty Cổ phần Elcom Plus	51,00%	51,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Sản xuất thiết bị truyền thông.
5	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	65,00%	65,00%	Tòa nhà Elcom, phố Duy Tân, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.	Xây dựng hệ thống quản lý hàng hải tàu biển (VTS) luồng Hải Phòng theo hình thức BT.

(i) Công ty nắm giữ trực tiếp và gián tiếp qua công ty con là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới.

Trong kỳ, Công ty đã hoàn tất thủ tục giải thể Công ty TNHH MTV Nghiên cứu Phát triển Khoa học Công nghệ Elcom, một công ty con của Công ty.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty và các công ty con là Chứng từ ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.3 Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty và các công ty con là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa Công ty và các công ty con, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty và các công ty con dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

3.3 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty và các công ty con dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Quyền sử dụng đất	42 năm
Phần mềm máy tính	5 năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	25 năm
Máy móc, thiết bị	2 - 8 năm
Phương tiện vận tải	5 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

3.7 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

- ▶ Công cụ, dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn;
- ▶ Chi phí sản xuất phân bổ cho mùa vụ; và
- ▶ Các chi phí khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch đó sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Mua tài sản

Công ty mua các công ty con sở hữu các dự án đầu tư hoặc các tài sản khác. Tại thời điểm mua, Công ty sẽ xác định liệu việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua. Cụ thể hơn, Công ty sẽ cân nhắc mức độ các quy trình quan trọng được mua theo hướng dẫn trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 11 - Hợp nhất kinh doanh.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả được mua, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được ghi nhận.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 ("Thông tư 228") và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty và các công ty con đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán.
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các công ty con và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty và các công ty con trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và các công ty con theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty và các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)

Quý khen thưởng, phúc lợi

Quý này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty và các công ty con có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Mức độ hoàn thành công việc được xác định theo khối lượng công việc đã được khách hàng xác nhận.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty và các công ty con được xác lập.

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành (tiếp theo)

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty và các công ty con chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Tiền mặt	1.134.744.500	1.123.939.402
Tiền gửi ngân hàng	17.031.590.381	25.857.501.404
Các khoản tương đương tiền (*)	21.753.000.000	43.775.000.000
TỔNG CỘNG	39.919.334.881	70.756.440.806

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi các ngân hàng bằng VND với kỳ hạn dưới ba tháng và hưởng mức lãi suất bình quân từ 4,6% đến 4,8%/năm.

Các thông tin bổ sung về lưu chuyển tiền tệ:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
- tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	206.065.938.808	114.726.064.023
Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
- tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(99.886.733.114)	(106.610.640.513)

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 Chứng khoán kinh doanh

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý	
		Dự phòng		Dự phòng	
Chứng khoán kinh doanh:					
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội	67.295.740	101.603.100	-	67.295.740	99.557.400
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	4.346.920.000	1.384.248.167	(2.962.671.833)	4.346.920.000	1.384.248.167
TỔNG CỘNG	4.414.215.740	1.485.851.267	(2.962.671.833)	4.414.215.740	1.483.805.567

5.2 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Đơn vị tính: VND
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:					
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	2.000.000.000	2.000.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000
TỔNG CỘNG	2.000.000.000	2.000.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000	5.750.000.000

(*) Đây là khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 năm tại Ngân hàng TNHH Indovina với lãi suất 7,2%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu của khách hàng

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngắn hạn		
Phải thu từ khách hàng		
- Ban Quản lý Dự án Hệ thống Quản lý Hành hải Tàu biển luồng Sài Gòn – Vũng Tàu	68.839.232.840	-
- Công ty TNHH Comverse	39.469.740.750	108.361.765.400
- Tổng Công ty Hạ tầng mạng	43.075.593.846	45.857.263.330
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	14.883.000.000	16.070.000.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	218.335.559.080	234.617.991.312
TỔNG CỘNG	<u>384.603.126.516</u>	<u>404.907.020.042</u>
Dài hạn		
- Cục Hàng hải Việt Nam (*)	79.358.688.962	94.241.688.962
TỔNG CỘNG	<u>79.358.688.962</u>	<u>94.241.688.962</u>
Dự phòng phải thu khó đòi	2.329.307.286	1.932.232.331
Trong đó:		
Ngắn hạn	2.329.307.286	1.932.232.331
Dài hạn	-	-

(*) Khoản phải thu từ Cục Hàng hải Việt Nam được sử dụng để thế chấp cho khoản vay dài hạn như được trình bày tại Thuyết minh số 19.2.

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán	25.499.897.459	22.727.380.860
- Công ty TNHH Techcovina GP Nhà thông minh	5.381.880.520	5.381.880.520
- Các khoản trả trước khác	20.118.016.939	17.345.500.340
Trả trước cho các bên liên quan (Thuyết minh số 32)	13.000.000.000	13.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>38.499.897.459</u>	<u>35.727.380.860</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	11.517.699.523	-	30.100.031.553	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.913.182.779	-	411.283.567	-
Công cụ, dụng cụ	1.017.695.251	-	1.015.163.251	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	390.087.199.282	-	79.871.017.034	-
Thành phẩm	677.811.819	-	1.208.910.723	-
Hàng hóa	110.400.230.168	(3.075.116.467)	54.629.161.998	(1.739.756.107)
TỔNG CỘNG	515.613.818.822	(3.075.116.467)	167.235.568.126	(1.739.756.107)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Số đầu kỳ	1.739.756.107	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.335.360.360	56.697.730
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	-
Số cuối kỳ	3.075.116.467	56.697.730

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	82.210.415.487	92.714.633.262	26.690.365.440	16.744.439.895	378.708.082	218.738.562.166	
- Mua trong kỳ	-	683.459.942	763.274.545	-	-	1.446.734.487	
- Đầu tư XDCB hoàn thành	166.321.003	-	-	-	-	166.321.003	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(399.920.831)	-	-	-	(399.920.831)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	82.376.736.490	92.998.172.373	27.453.639.985	16.744.439.895	378.708.082	219.951.696.825	
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	-	10.553.045.477	9.336.671.626	3.273.824.767	-	23.163.541.870	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	11.030.720.249	30.447.919.350	18.529.699.682	7.771.613.341	208.276.054	67.988.228.676	
- Khấu hao trong kỳ	1.599.681.078	11.960.931.907	1.717.616.096	1.031.188.119	51.339.045	16.360.756.245	
- Thanh lý, nhượng bán	-	(237.567.934)	-	-	-	(237.567.934)	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	12.630.401.327	42.171.283.323	20.247.315.778	8.802.801.460	259.615.099	84.111.416.987	
Giá trị còn lại:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	71.179.695.238	62.266.713.912	8.160.665.758	8.972.826.554	170.432.028	150.750.333.490	
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	69.746.335.163	50.826.889.050	7.206.324.207	7.941.638.435	119.092.983	135.840.279.838	
Trong đó:							
Tài sản thế chấp (*)	59.237.436.944	-	204.579.633	-	-	59.442.016.577	

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, một số tài sản cố định là nhà cửa, vật kiến trúc và phương tiện vận tải với giá trị còn lại là 59.442.016.577 VND đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho các khoản vay tại các ngân hàng thương mại như đã được trình bày trong Thuyết minh số 19.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2015 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền khai thác thâm dò (*)	Phần mềm máy tính	Tài sản cố định vô hình khác	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	11.100.000.000	11.480.730.998	43.039.881	22.623.770.879
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	11.100.000.000	11.480.730.998	43.039.881	22.623.770.879
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	-	1.615.306.979	-	1.615.306.979
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	10.020.833.333	7.020.758.102	13.629.290	17.055.220.725
Hao mòn trong kỳ	925.000.000	1.044.735.604	4.303.986	1.974.039.590
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	10.945.833.333	8.065.493.706	17.933.276	19.029.260.315
Giá trị còn lại:				
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	1.079.166.667	4.459.972.896	29.410.591	5.568.550.154
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	154.166.667	3.415.237.292	25.106.605	3.594.510.564

(*) Đây là quyền khai thác thâm dò mỏ đồng tại Khuổi Kim Nà Pi, xã Liềm Thủy, huyện Na Ri, tỉnh Bắc Kạn theo Giấy phép hoạt động khoáng sản số 2523/GP-UBND do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bắc Kạn cấp ngày 18 tháng 8 năm 2009 cho Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn. Quyền khai thác thâm dò này phát sinh từ việc Công ty mua và nắm quyền kiểm soát đối với công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Dự án Thanh Trì (*)	5.862.765.957	5.737.313.349
Dự án khai thác mỏ đồng Na Ri (**)	12.724.508.372	12.680.181.581
Dự án Từ Liêm (***)	246.601.885	246.601.885
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang khác	95.190.000	434.790.000
TỔNG CỘNG	<u>18.929.066.214</u>	<u>19.098.886.815</u>

(*) Đây là các khoản chi phí liên quan đến việc đền bù, giải phóng mặt bằng, hỗ trợ di dời và các chi phí khác để thực hiện Dự án xây dựng tổ hợp văn phòng, nhà chung cư, biệt thự, dịch vụ thương mại, khu cây xanh công cộng và các chức năng khác theo quy hoạch tại xã Thanh Liệt, huyện Thanh Trì. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty nắm giữ 10% lợi ích trong dự án này.

(**) Đây là dự án khai thác quặng đồng tại Khuổi Kim – Nà Pì, xã Liêm Thủy, huyện Nà Rì, tỉnh Bắc Kạn do công ty con của Công ty là Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn thực hiện. Chi phí của Dự án chủ yếu liên quan đến các chi phí ban đầu để thăm dò, khai thác thử nghiệm quặng đồng và chi phí triển khai dự án.

(***) Đây là khoản chi phí liên quan đến việc chuẩn bị thực hiện Dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>		<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	
	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>	<i>Giá gốc</i>	<i>Giá trị ghi sổ</i>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Đầu tư cổ phiếu	87.919.549.500	87.919.549.500	92.916.049.379	92.916.049.379
- Đầu tư dài hạn khác	37.771.500.000	37.771.500.000	37.771.500.000	37.771.500.000
TỔNG CỘNG	<u>125.691.049.500</u>	<u>125.691.049.500</u>	<u>130.687.549.379</u>	<u>130.687.549.379</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016				Ngày 31 tháng 12 năm 2015				Đơn vị tính: VND
	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (cổ phiếu)	Số lượng (cổ phiếu)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ	
Đầu tư cổ phiếu (*)		87.919.549.500	4.093.715.379	83.825.834.121	92.916.049.379	3.362.340.402	89.553.708.977		
Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông Việt Nam	540.000	11.826.000.000	-	11.826.000.000	540.000	-	11.826.000.000		
Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	1.250.000	28.590.000.000	1.072.593.959	27.517.406.041	1.250.000	947.834.253	27.642.165.747		
Công ty Cổ phần Tư vấn Hạ tầng Viễn thông	600.000	6.000.000.000	260.453.698	5.739.546.302	600.000	-	6.000.000.000		
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Truyền thông Đa phương tiện Sáng kiến	87.496	2.148.349.500	-	2.148.349.500	87.496	-	2.148.349.500		
Công ty Cổ phần Tin học Viễn thông Petrolimex	14.689	115.000.000	-	115.000.000	14.689	-	115.000.000		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	36.000	360.000.000	-	360.000.000	36.000	-	360.000.000		
Công ty Cổ phần Trung Văn	371.699	26.985.200.000	-	26.985.200.000	371.699	-	26.985.200.000		
Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa Xuân	1.189.500	11.895.000.000	2.760.667.722	9.134.332.278	1.189.500	2.414.506.149	9.480.493.851		
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Elcom	-	-	-	-	78.874	-	4.017.730.484		
Công ty Cổ phần Teisoft	-	-	-	-	120.000	-	978.769.395		
Đầu tư dài hạn khác		37.771.500.000	-	37.771.500.000	37.771.500.000	-	37.771.500.000		
Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh (**)		37.771.500.000	-	37.771.500.000	37.771.500.000	-	37.771.500.000		
TỔNG CỘNG		125.691.049.500	4.093.715.379	121.597.334.121	130.687.549.379	3.362.340.402	127.325.208.977		

(*) Do cổ phiếu của các công ty này không được niêm yết trên thị trường nên Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các cổ phiếu này.

(**) Đây là khoản góp vốn để thực hiện Dự án "Xây dựng nhà ở hỗn hợp tái định cư" tại ô đất C13/DD2 thuộc phường Trần Phú, quận Hoàng Mai, Hà Nội theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 01/2011/HĐHTĐT/ELC-TLX ký với Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	203.659.090	155.726.150
Chi phí sửa chữa	-	17.110.538
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	<u>301.165.216</u>	<u>457.933.251</u>
TỔNG CỘNG	<u>504.824.306</u>	<u>630.769.939</u>
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ	2.297.895.406	2.283.763.731
Chi phí cải tạo, sửa chữa	1.166.668.646	1.764.590.767
Tiền thuê đất	1.708.333.348	1.928.719.747
Chi phí phục vụ dự án thử nghiệm vi sinh	4.841.305.574	6.946.230.713
Chi phí trả trước dài hạn khác	<u>209.373.688</u>	<u>94.471.366</u>
TỔNG CỘNG	<u>10.223.576.662</u>	<u>13.017.776.324</u>

15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>
	<i>Lợi thế thương mại từ giao dịch mua Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới</i>
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>21.572.600.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>21.572.600.000</u>
Phân bổ lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	17.258.080.000
Phân bổ trong kỳ	<u>1.078.630.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>18.336.710.000</u>
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	<u>4.314.520.000</u>
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	<u>3.235.890.000</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

16.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>		<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>	
	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>	<i>Giá trị</i>	<i>Số có khả năng trả nợ</i>
Công ty Telink Group Inc	-	-	24.018.106.500	24.018.106.500
Công ty TNHH Comverse	-	-	13.790.545.410	13.790.545.410
Công ty Ciena Communications Inc	183.740.229.636	183.740.229.636	-	-
Công ty TNHH Hudson Capital Holding	57.512.484.599	57.512.484.599	10.167.584.780	10.167.584.780
Phải trả đối tượng khác	62.104.691.054	62.104.691.054	93.094.386.166	93.094.386.166
TỔNG CỘNG	303.357.405.289	303.357.405.289	141.070.622.856	141.070.622.856

16.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</u>	<u>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</u>
Cục Kỹ thuật Nghiệp Vụ 2 - Bộ Công An	15.306.000.000	-
Cục Công nghệ thông tin	9.520.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư hạ tầng FCC	4.770.000.000	-
Tổng Công ty Xây dựng Hà Nội	-	3.420.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng 194	-	3.103.725.086
Người mua trả tiền trước khác	7.194.845.036	891.429.000
TỔNG CỘNG	36.790.845.036	7.415.154.086

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải nộp trong kỳ</i>	<i>Số đã nộp trong kỳ</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	2.895.608.854	31.166.796.128	(33.905.346.225)	157.058.757
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.656.753.573	(1.656.753.573)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (<i>Thuyết minh số 31.2</i>)	9.996.939.248	5.240.460.532	(10.633.283.993)	4.604.115.787
Thuế thu nhập cá nhân	203.268.712	3.193.253.222	(3.218.567.516)	177.954.418
Thuế nhà thầu	208.281.543	1.546.653.991	(1.719.632.674)	35.302.860
Các loại thuế khác	2.847.022.915	53.994.694	(2.781.244.880)	119.772.729
TỔNG CỘNG	16.151.121.272	42.857.912.140	(53.914.828.861)	5.094.204.551

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>	<i>Số phải thu trong năm</i>	<i>Số đã bù trừ trong năm</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	2.940.908.649	75.646.634.127	(62.662.692.740)	15.924.850.036
TỔNG CỘNG	2.940.908.649	75.646.634.127	(62.662.692.740)	15.924.850.036

18. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Kinh phí công đoàn	4.446.804.960	4.237.111.960
Thù lao trả cho Hội đồng Quản trị	3.404.882.230	3.404.882.230
Phải trả hàng mang đi bảo hành	764.668.684	3.410.410.576
Phải trả tiền nhận ký cược, ký quỹ ngắn hạn	885.264.713	4.685.264.713
Phải trả cổ tức cho các cổ đông	2.872.630.668	795.003.288
Phải trả phải nộp khác	1.354.033.917	2.655.540.612
TỔNG CỘNG	13.728.285.172	19.188.213.379

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31 tháng 12 năm 2015		Số phát sinh trong kỳ			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn							
Vay cá nhân	8.502.700.000	8.502.700.000	400.480.355	(1.006.000.000)	-	7.897.180.355	7.897.180.355
Vay ngân hàng	60.398.671.421	60.398.671.421	205.665.458.453	(70.352.898.350)	(6.425.608)	195.704.805.916	195.704.805.916
Vay dài hạn đến hạn trả	17.900.355.000	17.900.355.000	4.509.416.000	(14.378.439.000)	-	8.031.332.000	8.031.332.000
	86.801.726.421	86.801.726.421	210.575.354.808	(85.737.337.350)	(6.425.608)	211.633.318.271	211.633.318.271
Vay dài hạn							
Vay ngân hàng	114.012.260.006	114.012.260.006	3.983.505.318	(18.658.811.764)	-	99.336.953.560	99.336.953.560
	114.012.260.006	114.012.260.006	3.983.505.318	(18.658.811.764)	-	99.336.953.560	99.336.953.560
TỔNG CỘNG	200.813.986.427	200.813.986.427	214.558.860.126	(104.396.149.114)	(6.425.608)	310.970.271.831	310.970.271.831

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.1 Các khoản vay ngắn hạn

Bên cho vay	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	USD	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	140.856.063.701	-	Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 29 tháng 12 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,5% 2%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản có định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	11.016.645.420		Kỳ hạn vay cho mỗi khế ước nhận nợ là 6 tháng. Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 14 tháng 9 năm 2016. Lãi vay trả hàng tháng	6,4%	Tin chấp
Ông Ngô Quý Hiệp	2.500.000.000		Kỳ hạn vay 12 tháng. Khoản gốc và lãi vay trả vào ngày 2 tháng 8 năm 2016	5%	Tin chấp
Ông Nguyễn Đức Thiện	2.287.680.355		Kỳ hạn vay 6 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Bà Trần Thị Phương	2.189.500.000		Kỳ hạn vay 6 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 31 tháng 12 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Bà Trịnh Thái Thường	660.000.000		Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn ngày 29 tháng 10 năm 2016, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Bà Hoàng Hồng Hạnh	180.000.000		Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 2 tháng 2 năm 2017, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ông Nguyễn Thanh Sơn	80.000.000		Kỳ hạn vay 12 tháng, đáo hạn cuối cùng vào ngày 6 tháng 2 năm 2017, lãi vay trả cùng gốc vay	0%	Tin chấp
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Thăng Long - Khoản vay dài hạn đến hạn trả	8.031.332.000		Gốc và lãi vay được trả hàng tháng	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản có định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân

TỔNG CỘNG 211.633.318.271

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

19.2 Các khoản vay dài hạn

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Kỳ hạn trả gốc và lãi	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Thăng Long	7.617.630.486	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2018	8%	Khoản vay được thế chấp bằng một số tài sản cố định hữu hình của Công ty (Thuyết minh số 10) và một số tài sản là quyền sử dụng đất và hợp đồng mua bán căn hộ của các cá nhân
Ngân hàng Bưu điện Liên Việt - Chi nhánh Hà Nội	91.719.323.074	Gốc và lãi vay được trả hàng tháng, khoản gốc vay cuối cùng được trả vào tháng 12 năm 2022	8%	Khoản vay được thế chấp bằng khoản phải thu hình thành trong tương lai từ dự án VTS Hải Phòng (Thuyết minh số 6.1)
TỔNG CỘNG	99.336.953.560			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2015</i>
Ngắn hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	2.226.388.946	2.906.473.766
TỔNG CỘNG	2.226.388.946	2.906.473.766
Dài hạn		
Dự phòng chi phí bảo hành	12.329.188.007	8.339.710.610
TỔNG CỘNG	12.329.188.007	8.339.710.610

Dựa trên tình hình sản phẩm cần sửa chữa và trả lại trong quá khứ. Công ty và các công ty con đã ghi nhận một khoản dự phòng cho chi phí bảo hành có thể phát sinh liên quan đến các sản phẩm, dịch vụ của Công ty và các công ty con được bán ra trong 1,5 năm qua. Công ty và các công ty con ước tính chi phí dự phòng cho bảo hành dựa trên doanh số hiện tại và các thông tin hiện có về tỷ lệ hàng trả lại, sửa chữa trong thời hạn từ một đến 1,5 năm bảo hành cho toàn bộ sản phẩm bán ra.

21. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Số dư đầu kỳ	2.820.781.904	2.705.536.177
Trích lập trong kỳ	7.500.000.000	6.800.000.000
Sử dụng trong kỳ	(734.983.200)	(5.153.450.000)
Số dư cuối kỳ	9.585.798.704	4.352.086.177

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Chi tiết vốn cổ phần đã góp

Đơn vị tính: VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016			Ngày 31 tháng 12 năm 2015		
	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số cổ phiếu	Cổ phiếu thường	Cổ phiếu ưu đãi
Vốn góp cổ đông	423.719.980.000	423.719.980.000	-	415.719.980.000	415.719.980.000	-
Thặng dư vốn cổ phần	88.697.010.000	88.697.010.000	-	88.712.010.000	88.712.010.000	-
Cổ phiếu quỹ	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-	(1.281.500.000)	(1.281.500.000)	-
TỔNG CỘNG	511.135.490.000	511.135.490.000	-	503.150.490.000	503.150.490.000	-

22.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Vốn cổ phần đã góp		
Vốn góp đầu kỳ	415.719.980.000	379.399.090.000
Tăng vốn trong kỳ	8.000.000.000	-
	423.719.980.000	379.399.090.000
Vốn góp cuối kỳ	24.873.298.800	45.520.090.800
Cổ tức, lợi nhuận đã chia		

22.4 Cổ tức

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Cổ tức đã công bố trong năm	24.873.298.800	45.520.090.800
Cổ tức trên cổ phiếu phổ thông	24.873.298.800	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2014: 1.200 VND/cổ phiếu	-	45.520.090.800
- Cổ tức cho năm 2015: 600 VND/cổ phiếu	24.873.298.800	-
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán và chưa được ghi nhận là nợ phải trả vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.5 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016		Ngày 31 tháng 12 năm 2015	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu phổ thông	42.371.998	423.719.980.000	41.571.998	415.719.980.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu quỹ do Công ty nắm giữ	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu phổ thông	116.500	1.281.500.000	116.500	1.281.500.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	42.255.498	422.554.980.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu phổ thông	42.255.498	422.554.980.000	41.455.498	414.438.480.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Ngoại tệ các loại		
Đô la Mỹ (USD)	375.209,09	13.805,97
Nợ khó đòi đã xử lý (*)	6.057.777.778	6.057.777.778

(*) Đây là khoản cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam vay không có tài sản đảm bảo với số tiền là 5.000.000.000 VND và khoản phải thu khác (bao gồm cho vay không lãi và lãi vay phải thu) từ công ty này với số tiền là 1.057.777.778 VND. Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01-09/2015/NQ-HĐQT ngày 3 tháng 9 năm 2015 và Thỏa thuận chấm dứt và thanh lý hợp đồng vay số 03-09/2015/TLHĐVV ngày 3 tháng 9 năm 2015, Công ty đã thu hồi được 693.791.507 VND từ khoản cho vay và phải thu nói trên và Công ty đồng ý xóa nợ cho Công ty Liên doanh Dược phẩm Elogre France Việt Nam đối với số tiền còn lại (bao gồm cả gốc và lãi) do công ty này không đủ khả năng thanh toán.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. LỢI ÍCH CỦA CÁC CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Đơn vị tính: VND				
	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	Công ty Cổ phần Elcom Plus	Công ty TNHH VTS Hải Phòng	Tổng cộng
Số đầu kỳ	(27.619.072)	6.542.776.551	6.396.645.962	5.934.124.136	18.845.927.577
Phần lỗ thuộc về cổ đông không kiểm soát trong năm	(23.931.978)	(7.292.037)	(261.008.653)	(32.829.277)	(325.061.945)
Số cuối kỳ	(51.551.050)	6.535.484.514	6.135.637.309	5.901.294.859	18.520.865.632

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

25. DOANH THU

25.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Tổng doanh thu	359.711.375.919	258.747.226.828
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	98.416.164.248	50.409.901.036
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	243.689.368.186	162.136.586.572
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	15.371.604.000	34.317.297.539
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	2.234.239.485	11.883.441.681
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	359.711.375.919	258.747.226.828
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	98.416.164.248	50.409.901.036
<i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	243.689.368.186	162.136.586.572
<i>Doanh thu bán thành phẩm phần mềm</i>	15.371.604.000	34.317.297.539
<i>Doanh thu thành phẩm đồng, composite và thành phẩm khác</i>	2.234.239.485	11.883.441.681
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	359.711.375.919	258.492.726.828
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	-	254.500.000

25.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.655.178.122	1.311.586.513
Cổ tức, lợi nhuận được chia	188.440.200	408.297.703
Lãi từ chuyển nhượng các khoản đầu tư	-	300.000.000
Thanh lý khoản đầu tư	1.021.270.605	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.512.450.738	1.366.254.304
TỔNG CỘNG	5.377.339.665	3.386.138.520

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

26. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Giá vốn cung cấp dịch vụ	50.588.190.087	33.423.166.551
Giá vốn hàng hóa đã bán	200.104.791.555	132.966.780.711
Giá vốn của thành phẩm phần mềm	5.517.054.439	14.311.641.452
Giá vốn thành phẩm đồng, composite và khác	5.145.821.391	12.421.599.647
TỔNG CỘNG	<u>261.355.857.472</u>	<u>193.123.188.361</u>

27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Lãi tiền vay	4.572.734.451	2.337.194.239
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.983.392.419	6.428.015.740
Lỗ nhượng bán chứng khoán	2.017.801.340	1.426.077.452
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	731.374.977	927.382.962
Chi phí tài chính khác	211.195	16.459
TỔNG CỘNG	<u>9.305.514.382</u>	<u>11.118.686.852</u>

28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí bảo hành thành phẩm phần mềm	(633.104.131)	57.639.063
Chi phí bảo hành phần cứng	4.473.207.068	5.412.257.427
Chi phí vật tư thiết bị thử nghiệm	116.266.298	292.372.870
Chi phí bán hàng khác	6.123.346.874	5.804.856.621
TỔNG CỘNG	<u>10.079.716.109</u>	<u>11.567.125.981</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân công	27.220.440.248	23.059.906.034
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.380.791.020	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.622.096.035	6.247.502.421
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.972.259.063	2.200.045.288
Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	2.826.535.321	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	8.032.749.255	4.003.948.845
Phân bổ lợi thế thương mại	1.078.630.000	1.078.630.000
TỔNG CỘNG	<u>48.133.500.942</u>	<u>36.590.032.588</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

29. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Thu nhập khác	1.996.108.104	7.970.321.635
Chiết khấu/thường từ nhà cung cấp	1.025.341.219	
Thu nhập khác từ các chương trình gameshow	-	1.600.000.000
Phạt chậm hợp đồng	404.776.011	-
Thu từ thanh lý tài sản cố định	-	92.727.273
Thu nhập liên quan đến dự án VBCF	-	6.065.969.500
Thu nhập khác	565.990.874	211.624.862
Chi phí khác	1.096.170.695	8.749.164.499
Phạt chậm hợp đồng	962.077.200	473.133.105
Chi phí liên quan đến dự án VBCF	-	6.757.742.225
Phạt chậm nộp thuế từ các năm trước	111.548.090	1.227.563.580
Chi phí khác	22.545.405	290.725.589
LỢI NHUẬN/(LỖ) THUẬN KHÁC	899.937.409	(778.842.864)

30. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	3.722.917.501	11.960.391.320
Chi phí mua hàng hóa	196.132.665.720	133.579.636.710
Chi phí nhân công	32.591.831.010	35.200.726.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.334.795.835	17.459.803.854
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.247.502.386	24.530.840.527
Chi phí bằng tiền khác	19.539.362.071	18.548.947.567
TỔNG CỘNG	319.569.074.523	241.280.346.930

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm bằng 10% lợi nhuận thu được trong vòng 15 năm đầu hoạt động. Công ty được miễn thuế TNDN trong 4 năm tính từ năm đầu tiên kinh doanh có lợi nhuận chịu thuế (năm 2005), và được giảm 50% đối với thuế suất thuế TNDN áp dụng cho Công ty trong 9 năm tiếp theo đối với thu nhập từ hoạt động sản xuất phần mềm trên.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN bằng 20% lợi nhuận thu được từ các hoạt động khác.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

31.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	5.222.439.037	762.656.752
Chi phí thuế TNDN của các năm trước	18.021.495	435.226.337
Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN hoãn lại	1.791.388.272	(181.074.316)
TỔNG CỘNG	<u>7.031.848.804</u>	<u>1.016.808.773</u>

31.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty và các công ty con khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015</i>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	37.114.064.088	8.851.498.381
Các điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận theo kế toán		
<i>Các khoản điều chỉnh tăng:</i>		
Các khoản phạt	111.548.090	1.199.371.072
Tiền khấu hao không theo quy định	730.036.034	355.044.870
Chi phí không hợp lý, hợp lệ khác	1.227.347.718	1.367.653.753
Thù lao của thành viên HĐQT không tham gia điều hành	60.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện năm trước	4.205.956.417	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	2.465.218.105	-
<i>Các khoản điều chỉnh giảm:</i>		
Thu nhập đã tính thuế từ hoạt động đầu tư	(188.440.200)	-
Các bút toán điều chỉnh hợp nhất không chịu thuế	(14.301.062.650)	870.800.342
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản mục tài sản	-	(1.492.851.058)
Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế chưa căn trừ lỗ năm trước	31.424.667.602	11.151.517.360
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh phần mềm (Thuế suất 5%)</i>	<i>10.332.957.152</i>	<i>16.438.373.669</i>
<i>Lợi nhuận từ kinh doanh hàng hóa và dịch vụ (Thuế suất 20%)</i>	<i>23.528.955.897</i>	<i>(1.185.238.624)</i>
<i>Lỗ từ các công ty con</i>	<i>(2.437.245.447)</i>	<i>(4.101.617.685)</i>
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	31.424.667.602	11.151.517.360
Thuế TNDN phải trả ước tính trong kỳ hiện hành	5.222.439.037	762.656.752
<i>Chi phí thuế TNDN cho dịch vụ, phần mềm</i>	<i>516.647.858</i>	<i>762.656.752</i>
<i>Chi phí thuế TNDN cho hoạt động khác</i>	<i>4.705.791.179</i>	<i>-</i>
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	9.996.939.248	6.397.959.316
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong các năm trước	18.021.495	435.226.337
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(10.633.283.993)	(7.482.516.006)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	4.604.115.787	113.326.399

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

31.3 Thuế thu nhập hoãn lại

Công ty và các công ty con đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:
Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015	Kỳ này	Kỳ trước
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại				
Lãi / (lỗ) chưa thực hiện của các giao dịch nội bộ	1.245.423.771	1.536.812.043	291.388.272	181.074.316
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả				
Hoàn nhập dự phòng phải thu từ các công ty con	1.500.000.000	-	1.500.000.000	-
Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh hợp nhất			1.791.388.272	181.074.316

31.4 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Lỗ chuyển sang từ năm trước

Các công ty con được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang kỳ sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các công ty con có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 26.719.736.831 VND có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đơn vị tính: VND	
			Đã chuyển lỗ đến ngày 30 tháng 6 năm 2016	Không được chuyển lỗ
2011	2016	(1.985.184.568)	-	-
2012	2017	(2.140.375.023)	-	-
2013	2018	(2.353.158.640)	-	-
2014	2019	(8.037.668.552)	-	-
2015	2020	(9.766.104.601)	-	-
Sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	2021	(2.437.245.447)	-	-
TỔNG CỘNG		(26.719.736.831)	-	-

(*) Đây là các khoản lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của các công ty con chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Công ty và các công ty con chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho phần lỗ lũy kế nêu trên do không thể dự tính được lợi nhuận chịu thuế trong tương lai tại thời điểm này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong kỳ bao gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Ông Phan Chiến Thắng	Tổng Giám đốc	Cho Công ty thuê văn phòng tại thành phố Hồ Chí Minh	150.000.000	150.000.000
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty và các công ty con bán hàng cho các bên liên quan trên cơ sở thỏa thuận theo hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2016 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ. Việc đánh giá này được thực hiện cho mỗi năm thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Đơn vị tính: VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Trả trước cho người bán (Thuyết minh số 6.2)				
Ông Trần Hùng Giang (*)	Phó Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	4.030.000.000	4.030.000.000
Ông Ngô Ngọc Hà (*)	Thành viên Hội đồng Quản trị	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	2.990.000.000	2.990.000.000
Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy (*)	Vợ ông Phan Chiến Thắng - Tổng Giám đốc	Trả trước tiền đất dự án Từ Liêm	5.980.000.000	5.980.000.000
			13.000.000.000	13.000.000.000

(*) Đây là các khoản tạm ứng theo Biên bản góp vốn ngày 25 tháng 10 năm 2012 giữa Công ty và các bên liên quan để đầu tư vào dự án xây dựng tòa nhà, văn phòng cho thuê, siêu thị kết hợp nhà ở để bán tại thôn Kiều Mai, xã Phú Diễn, huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 31 tháng 12 năm 2015
Phải thu về cho vay ngắn hạn (Thuyết minh số 7)				
Ông Nguyễn Văn Hòa	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	10.000.000.000	-
Ông Vũ Văn Cao	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
Bà Phùng Thu Phương	Nhân viên	Cho vay ngắn hạn	3.000.000.000	-
			16.000.000.000	-

Chi tiết các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Ngày 30 tháng 6 năm 2016 VND	Kỳ hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản đảm bảo
Ông Nguyễn Văn Hòa	10.000.000.000	3 tháng	9%/năm	Tín chấp
Ông Vũ Văn Cao	3.000.000.000	3 tháng	8%/năm	Tín chấp
Bà Phùng Thu Phương	3.000.000.000	3 tháng	8%/năm	Tín chấp

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc:

Đơn vị tính: VND

	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016	Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015
Lương và thưởng	1.975.099.680	1.459.620.000
TỔNG CỘNG	1.975.099.680	1.459.620.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

Công ty và các công ty con sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>	
	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016</i>	<i>Cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 (Trình bày lại)</i>
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	30.407.277.229	8.552.105.571
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	-	(876.384.345)
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã trừ quỹ khen thưởng, phúc lợi	30.407.277.229	7.675.721.226
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (**)	45.950.488	45.184.875
<i>Ảnh hưởng suy giảm do</i>		
Cổ phiếu phổ thông tiềm năng	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	45.950.488	45.184.875
- <i>Lãi cơ bản</i>	662	170
- <i>Lãi suy giảm</i>	662	170

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015 đã được điều chỉnh giảm so với lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu đã được thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015. Số điều chỉnh giảm tương ứng với khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ công ty mẹ được phân bổ cho giai đoạn tài chính sáu tháng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016. Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho giai đoạn tài chính sáu tháng đầu năm 2016 chưa được điều chỉnh do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho kỳ hiện tại.

(**) Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu đã được điều chỉnh đối với số cổ phiếu phát hành để trả cổ tức trong tháng 7 năm 2016 (xem Thuyết minh số 36).

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty và các công ty con lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận bảo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty và các công ty con bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Công ty và các công ty con được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty và các công ty con cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con được xác định theo địa điểm của tài sản của Công ty và các công ty con. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Công ty và các công ty con.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty và các công ty con như sau:

Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm khác (sản phẩm đồng, composite, khác eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND							
Doanh thu							
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	15.371.604.000	243.689.368.186	98.416.164.248	48.609.090	2.185.630.395	-	359.711.375.919
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	-	47.280.000	7.297.106.100	-	-	(7.344.386.100)	-
Giá vốn các bộ phận	5.517.054.439	200.104.791.555	50.588.190.087	43.962.601	5.101.858.790	-	261.355.857.472
Kết quả							
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế của bộ phận	9.854.549.561	43.584.576.631	47.827.974.161	4.646.489	(2.916.228.395)	-	98.355.518.447
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)							(61.241.454.359)
Lợi nhuận thuần trước thuế							37.114.064.088
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại							(7.031.848.804)
Lợi nhuận thuần sau thuế							30.082.215.284
Tài sản và công nợ							
Tài sản bộ phận	41.253.060.783	653.993.709.304	264.121.298.320	130.453.123	5.865.617.117	-	965.364.138.647
Tài sản không phân bổ (**)							469.800.059.427
Tổng tài sản							1.435.164.198.074
Công nợ bộ phận	15.208.212.820	241.099.092.407	97.370.057.853	48.092.404	2.162.398.418	-	355.887.853.902
Công nợ không phân bổ (***)							350.710.255.860
Tổng công nợ							706.598.109.762

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: (tiếp theo)

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngân hàng và một số khoản phải trả khác.

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

	Đơn vị tính: VND				
	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Nước ngoài	Địa phương khác	Tổng cộng
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	193.180.944.506	12.715.619.257	1.159.620.216	152.655.191.940	359.711.375.919
Tổng tài sản không phân bổ					1.435.164.198.074
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ	1.323.135.891	87.091.883	7.942.477	1.045.566.704	2.463.736.955

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015:

	Thành phẩm phần mềm	Hàng hóa	Dịch vụ	Thành phẩm đồng, khác (SP eBop)	Thành phẩm đồng, composite, khác	Loại trừ	Tổng cộng
Doanh thu							258.747.226.928
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	34.317.297.539	162.136.586.572	50.409.901.036	11.592.750.000	290.691.681	-	-
Doanh thu từ bán hàng cho các bộ phận	9.959.622.500	68.719.923.019	16.585.570.319	-	-	(95.265.115.838)	-
Giá vốn của các bộ phận	14.311.641.452	132.966.780.711	33.423.166.551	12.155.971.908	265.627.739	-	193.123.188.361
Kết quả							65.624.038.467
Lợi nhuận/(lỗ) gộp trước thuế của bộ phận	20.005.656.087	29.169.805.861	16.986.734.485	(563.221.908)	25.063.942	-	(56.772.540.086)
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (*)							8.851.498.381
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trước thuế							(1.016.808.773)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp/hoãn lại							7.834.689.608
Lợi nhuận/(lỗ) thuần sau thuế							526.166.228.420
Tài sản và công nợ							530.992.026.984
Tài sản bộ phận	69.784.720.930	329.707.094.029	102.509.262.914	23.574.024.809	591.125.738	-	1.057.158.255.404
Tài sản không phân bổ (**)							174.710.573.567
Tổng tài sản							230.139.538.460
Công nợ bộ phận	23.171.628.967	109.477.409.221	34.037.631.365	7.827.623.996	196.280.018	-	404.950.112.027
Công nợ không phân bổ (***)							
Tổng công nợ							

(*) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ chủ yếu bao gồm doanh thu tài chính, chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng và một số thu nhập khác và chi phí khác.

(**) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu khác và một số tài sản cố định khác.

(***) Công nợ không phân bổ bao gồm các khoản vay ngắn hạn và một số khoản phải trả khác.

Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Công nghệ Điện tử Viễn thông

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015: (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, tổng tài sản và tổng chi phí mua tài sản cố định của bộ phận theo khu vực địa lý của Công ty và các công ty con như sau:

Đơn vị tính: VND

	Hà Nội	Thành phố Hồ Chí Minh	Nước ngoài	Địa phương khác	Tổng cộng
Vào ngày và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2015					
Doanh thu từ bán hàng ra bên ngoài	222.760.492.240	2.025.631.627	24.615.152.279	9.345.950.682	258.747.226.828
Tổng tài sản không phân bổ					1.057.158.255.404
Tổng chi phí mua TSCĐ không phân bổ					9.461.514.392

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết thuê hoạt động

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, Công ty và các công ty con có các khoản tiền phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê văn phòng được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Đến 1 năm	2.037.450.000	2.057.340.000
Trên 1 – 5 năm	5.439.183.750	6.385.002.000
TỔNG CỘNG	7.476.633.750	8.442.342.000

Cam kết cho thuê hoạt động

Công ty hiện đang cho thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Đơn vị tính: VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2016	Ngày 30 tháng 6 năm 2015
Đến 1 năm	3.443.480.220	3.644.285.020
Trên 1 – 5 năm	139.458.429	552.844.294
TỔNG CỘNG	3.582.938.649	4.197.129.314

Các cam kết liên quan đến các khoản đầu tư, góp vốn

STT	Bên nhận đầu tư	Đơn vị tính: VND		
		Cam kết góp vốn của Công ty	Số vốn thực góp	Số vốn chưa góp
1	Công ty Cổ phần Công nghệ Sinh học Mùa xuân	22.500.000.000	11.895.000.000	10.605.000.000
2	Công ty Cổ phần Công nghệ Vật liệu mới Bắc Kạn	6.968.000.000	6.260.740.000	707.260.000
3	Công ty Cổ phần Phát triển Đông Dương Xanh	15.000.000.000	12.500.000.000	2.500.000.000
4	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	900.000.000	360.000.000	540.000.000
5	Dự án Trần Phú - Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Thăng Long Xanh	468.050.000.000	37.771.500.000	430.278.500.000
	TỔNG CỘNG	513.418.000.000	68.787.240.000	444.630.760.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2016 và cho giai đoạn tài chính sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các tổn thất tiềm tàng

Tổn thất tiềm tàng liên quan đến các khoản phải thu khác

Như được trình bày tại Thuyết minh số 8, Công ty có khoản phải thu từ hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Bắc Hà ("Công ty Bắc Hà"). Đây là hợp đồng đã tồn đọng trong thời gian dài và Công ty hiện đang gặp khó khăn trong công tác thu hồi các khoản công nợ này do Công ty Bắc Hà đang gặp khó khăn về tài chính. Ban Tổng Giám đốc Công ty hiện đang làm việc với các bên có liên quan đến hợp đồng nêu trên để tiến hành thu hồi khoản vốn đầu tư của Công ty. Trên cơ sở đánh giá của Ban Tổng Giám đốc, khoản đầu tư này sẽ được thu hồi đầy đủ và do đó, không cần phải trích lập dự phòng tại ngày 30 tháng 6 năm 2016.

36. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nội dung phê duyệt tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 số 001/2016/NQ-ĐHĐCĐ ngày 22 tháng 4 năm 2016, Hội đồng Quản trị đã ban hành Nghị quyết số 02-06/2016/NQ-HĐQT ngày 6 tháng 6 năm 2016 về việc triển khai phương án phát hành cổ phiếu phổ thông để trả cổ tức, với tổng số cổ phần phát hành thêm tối đa dự kiến là 4.225.549 cổ phần, mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu, từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Vào ngày 19 tháng 7 năm 2016, Công ty và các công ty con đã chính thức phát hành và niêm yết 4.225.377 cổ phiếu.

Ngoài các sự kiện trên, không có các sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con.

Người lập
Chu Hồng Hạnh

Kế toán trưởng
Đặng Thị Thanh Minh

Tổng Giám đốc
Phan Chiến Thắng

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2016